

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,485,513,952,276	1,172,858,177,433
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6,315,629,051	31,400,667,470
1. Tiền	111		4,012,075,521	14,931,467,470
2. Các khoản tương đương tiền	112		2,303,553,530	16,469,200,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		50,000,000,000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50,000,000,000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,064,942,491,583	579,706,991,325
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	939,053,762,216	407,445,786,648
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	43,734,155,332	43,152,384,656
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	61,023,838,665	124,112,215,331
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	28,667,817,570	16,082,431,821
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(7,537,082,200)	(11,278,731,965)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.8	-	192,904,834
IV. Hàng tồn kho	140	V.9	358,995,863,191	554,284,904,662
1. Hàng tồn kho	141		358,995,863,191	554,284,904,662
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,259,968,451	7,465,613,976
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	4,591,304,011	5,714,427,084

2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		564,531,854	1,413,509,696
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.20		337,677,196
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		104,132,586	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		743,172,986,444	634,459,110,943
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		42,890,815,500	40,748,995,500
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	42,890,815,500	40,748,995,500
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		119,215,142,576	190,347,461,417
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	97,592,769,973	178,079,089,713
- Nguyên giá	222		154,286,096,675	269,672,904,645
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(56,693,326,702)	(91,593,814,932)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	7,990,521,199	3,012,316,174
- Nguyên giá	225		9,426,914,506	3,886,859,998
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(1,436,393,307)	(874,543,824)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	13,631,851,404	9,256,055,530
- Nguyên giá	228		19,182,582,269	14,347,552,269
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5,550,730,865)	(5,091,496,739)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.14	-	25,600,652,000
- Nguyên giá	231		-	25,600,652,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		132,926,583,132	65,172,252,206
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.15	132,926,583,132	65,172,252,206
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		442,148,612,715	306,503,379,530
1. Đầu tư vào công ty con	251		394,234,487,305	232,805,060,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	65,945,690,466	89,943,218,616

3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	2,710,000,000	2,710,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(20,741,565,056)	(18,954,899,086)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5,991,832,521	6,086,370,290
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	5,991,832,521	6,086,370,290
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.16	-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.17	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2,228,686,938,720	1,807,317,288,376
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,442,103,662,040	1,033,440,391,955
I. Nợ ngắn hạn	310		1,320,241,920,081	896,286,922,197
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.18	286,287,110,796	106,137,846,175
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.19	5,016,244,951	2,255,179,962
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.20	14,519,273,801	6,330,166,633
4. Phải trả người lao động	314		3,446,072,344	12,229,965,004
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.21	4,069,037,080	10,688,207,826
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22a	36,380,296,105	839,561,086
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23a	961,529,348,973	755,871,903,573
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	8,994,536,031	1,934,091,938
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		121,861,741,959	137,153,469,758
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			863,590,500
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	450,828,000	-

510
CÓ
C
QU
S
T

8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23b	121,410,913,959	136,289,879,258
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		786,583,276,680	773,876,896,421
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	786,583,276,680	773,876,896,421
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		642,324,060,000	611,895,030,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		642,324,060,000	611,895,030,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11,496,097,352	16,061,097,352
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(4,186,322,972)	(9,484,460,000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		17,379,434,424	13,980,966,137
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		119,570,007,876	141,424,262,932
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421		63,519,091,987	141,424,262,932
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		56,050,915,889	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2,228,686,938,720	1,807,317,288,376

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Lương



Chủ tịch HĐQT

Lê Vĩnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý IV năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Đơn vị tính: VND
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	731.365.396.721	507.416.010.334	2.770.719.244.092	1.988.476.894.965	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.122.894.818	24.216.724.669	70.808.583.325	93.797.062.647	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		730.242.501.903	483.199.285.665	2.699.910.660.767	1.894.679.832.318	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	676.218.817.912	399.102.285.512	2.421.161.539.733	1.563.300.187.414	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.023.683.991	84.097.000.153	278.749.121.034	331.379.644.904	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	9.769.503.396	4.495.126.888	18.075.697.192	19.428.427.192	
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	21.691.590.377	16.506.763.053	73.732.791.055	74.577.619.613	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.626.158.171	14.803.439.364	68.972.962.993	48.860.162.251	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	VI.6					
9. Chi phí bán hàng	24	VI.7	11.853.312.680	30.091.377.062	107.147.235.673	124.544.399.512	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.991.413.980	14.188.768.887	39.234.393.312	48.044.359.006	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	VI.8	19.256.870.350	27.805.218.039	76.710.398.186	103.641.693.965	
12. Thu nhập khác	31	VI.9	312.389.857	922.492.019	5.430.815.712	2.228.057.312	
13. Chi phí khác	32		3.175.404.943	336.662.028	9.227.346.879	844.519.465	

CHỈ TIÊU

14. Lợi nhuận khác
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Người lập biểu



Phạm Thị Minh Phương

Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
		Năm 2017	Năm 2016	
40		(2.863.015.086)	585.829.991	Năm 2017 Năm 2016 (3.796.531.167) 1.383.537.847
50		16.393.855.264	28.391.048.030	72.913.867.019 105.025.231.812
51		4.869.580.233	5.727.734.521	15.312.580.580 20.234.865.759
52				
60		11.524.275.031	22.663.313.509	57.601.286.439 84.790.366.053

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Lương



Lê Vĩnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>1 Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>		<i>72,913,867,019</i>	<i>105,025,231,812</i>
<i>2 Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		16,310,142,304	21,069,318,150
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	(1,954,983,795)	(20,815,382,913)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			79,644,017
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17,807,830,661)	27,171,269,489
- Chi phí lãi vay	06		68,972,962,993	48,860,162,251
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<i>3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>		<i>138,434,157,860</i>	<i>181,390,242,806</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(549,686,823,713)	47,862,076,528
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		195,212,374,809	(91,454,415,781)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		200,062,227,711	7,786,182,586
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,062,943,110)	(4,532,119,709)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(67,168,045,275)	(48,020,799,706)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.10	(15,988,662,232)	(19,313,122,314)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		215,565,867	449,147,642
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1,085,425,500)	(63,000,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(101,067,573,583)</i>	<i>74,104,192,052</i>
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(102,836,587,183)	(88,949,865,569)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		32,870,154,540	2,803,367,428
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(39,236,914,655)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		69,102,424,666	56,836,914,655
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(97,359,704,186)	(145,642,500,000)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		60,480,000,000	37,490,000,000
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,263,928,726	6,944,103,923

	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<i>(34,479,783,437)</i>	<i>(169,754,894,218)</i>
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3	Tiền thu từ đi vay	33		2,757,795,739,042	1,734,589,162,308
4	Tiền trả nợ gốc vay	34		(2,564,647,854,941)	(1,627,039,467,718)
5	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(2,369,404,000)	(900,000,000)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.14	(30,316,161,500)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		160,462,318,601	106,649,694,590
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		24,914,961,581	10,998,992,424
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	31,400,667,470	20,292,179,710
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			109,495,336
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	56,315,629,051	31,400,667,470

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

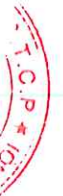
Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Lương



Chủ tịch HĐQT
Lê Vĩnh Sơn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa và bình năng lượng Thái Dương Năng, ống công nghiệp, ống trang trí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất bình thái dương năng	51,59%	51,59%	51,59%
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Lô CN07, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Lô CN08, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị nhà bếp	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Logistics Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Dịch vụ vận tải	100%	100%	100%
Công ty CP sản xuất và dịch vụ Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ	Kinh doanh thương mại	51%	51%	51%

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Một thành viên kinh doanh và phát triển Dịch vụ Sơn Hà miền Bắc	Liên, thành phố Hà Nội Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Công ty CP Kinh doanh và phát triển dự án Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Phát triển dự án	69%	69%	69%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và công nghiệp Trường Tuyển	Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Long, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	100%	100%	100%
Son Ha Myanmar International Limited	No. 33/B Damaryone Street, Ward No. 15, Baukhtaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	52%	52%	52%

Các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Số 8, đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Dịch vụ trò chơi trực tuyến và trò chơi điện tử; Cho thuê mặt bằng kinh doanh (trong trung tâm thương mại)	20,13%	20,13%	20,13%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Thanh Hóa	Số 50, đường Lê Đình Chinh, thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Nghệ An	Số 381, khối Tân Phú, phường Hòa Hiếu, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Ninh Bình	Số 64, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
Chi nhánh Hải Dương	Thôn Tiền, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
Chi nhánh Xuân Mai	Thôn Yên Kiện, xã Đông Dương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Sóc Sơn	Thôn Xuân Sơn, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Thái Nguyên	Xóm 8, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Tuyên Quang	Thôn Hợp Hòa 2, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
Chi nhánh Phú Thọ	Khu 4, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Chi nhánh Vinh	Xóm 14 Nghi Kim, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Quảng Bình	Thôn 7, xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
Chi nhánh Cẩm Phả	Tổ 1, khu Trung Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Hà Tĩnh	Quốc lộ 1A, xóm Tân Phú, xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh Vĩnh Phúc	Đường Nguyễn Tất Thành, Khu tái định cư Hán Lữ, Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Chi nhánh Sơn La	(Cạnh công nhà máy xi măng Chiềng Sinh), đường Lê Duẩn, Tổ 4, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh Hòa Bình	Km 4, phố Ngọc, xã Trung Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh Bắc Giang	Số nhà 83, thông Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Chi nhánh Thái Bình	Thôn Lê Lợi 1, xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Thanh Hóa 2	Thôn Tân Quý, xã Hoàng Quý, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Đà Nẵng	Lô số A-212 A-214 Phạm Hùng, KDC Nam Cầu Cẩm Lệ, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Hà Nam	Thửa đất số 19, tờ bản đồ số p110 phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
Chi nhánh Bắc Ninh	Km2 đường Trần Hưng Đạo, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Chi nhánh Cao Bằng	Tổ 11 Thâm Hoảng I, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
Chi nhánh Quốc Oai	Bên cạnh cây xăng, Cửa Sâu, thông Đồng Lư, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Quảng Trị	Thửa đất số 396, thôn Phước Mỹ, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị
Chi nhánh Nam Định	Km 3,5 đường S2, xã Nghĩa An, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
Chi nhánh Hưng Yên	Km 12, thôn Yên Lịch, xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Yên Bái	Km 10, tổ 4, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Chi nhánh Lào Cai	Nhà ông Vinh, đường N4 và E13 tiểu Khu đô thị số 4, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 125 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 985 nhân viên) nguyên nhân giảm là do tách các công ty con.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí thuê nhà, chi phí quảng cáo. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của phương tiện vận tải thuê tài chính là 10 năm.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (47 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 05 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính.

15. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

16. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng

hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

24. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1 Tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1,262,636,503	4,172,559,430
Tiền gửi ngân hàng	2,749,439,018	10,758,908,040
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	2,303,553,530	16,469,200,000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	2,303,553,530	
- Cổ phiếu		
- Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu		
Cộng	<u>6,315,629,051</u>	<u>31,400,667,470</u>

2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
2a Đầu tư vào công ty con	394,234,487,305		232,805,060,000	(360,692,921)
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam ⁽ⁱ⁾	80,000,000,000		80,000,000,000	
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An ⁽ⁱⁱ⁾	80,000,000,000		80,000,000,000	
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà ⁽ⁱⁱⁱ⁾	12,897,500,000		12,897,500,000	
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh ^(iv)	107,000,000,000		40,000,000,000	
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị nhà bếp Sơn Hà ^(v)	71,500,000,000		18,787,560,000	
Công ty TNHH Một thành viên Logistics Sơn Hà ^(vi)	23,336,987,305		1,120,000,000	(360,692,921)
Công ty cổ phần sản xuất và dịch vụ Sơn Hà (Cty SHP) ^(vii)	2,550,000,000			
Công ty CP Kinh Doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD) ^(viii)	6,900,000,000			
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc (SHT)	10,000,000,000			
Công ty TNHH Thương mại Công nghiệp Trường Tuyền	50,000,000			

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2b Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	65,945,690,466	(20,741,565,056)	89,943,218,616	(18,594,206,165)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	31,405,778,616	(20,741,565,056)	31,405,778,616	(18,594,206,165)
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn			54,000,000,000	
SONHA-MYANMAR INTERNATIONAL LIMITED (ix)	22,280,880,000		4,537,440,000	
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn (x)	12,259,031,850			
2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2,710,000,000		2,710,000,000	
Công ty Bất động sản Havico	2,710,000,000		2,710,000,000	
Cộng	462,890,177,771	(20,741,565,056)	3.25458E+11	(18,954,899,086)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106980045, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam 80.000.000.000 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2901793277 ngày 13 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An 80.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

(iii) Trong năm, Công ty đầu tư 1.031.800 cổ phiếu Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà, chiếm tỷ lệ 51,59% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300933508, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh 40.000.000.000 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đầu tư thêm 67.000.000.000 VND làm tăng vốn điều lệ Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh lên 107.000.000.000 VND (giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3). Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết, tương đương với 100% vốn điều lệ.

(v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300933586, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị nhà bếp Sơn Hà 50.000.000.000 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 71.500.000.000 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ theo cam kết.

(vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107600722 ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Logistics Sơn Hà 20.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 23.336.987.305 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ theo cam kết.

(vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107776684 ngày 24 tháng 3 năm 2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty Đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà 2.550.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ số vốn vào Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(viii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107833170 ngày 08/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà 690.000 Cổ phiếu tương đương 69% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp 6.900.000.000 VNĐ, đủ số vốn điều lệ đã cam kết.

(ix) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài 201600119 ngày 23 tháng 3 năm 2016 do Bộ kế hoạch và Đầu tư cấp và nghị quyết số 30/2017/NQ- HĐQT ngày 25/09/2017 điều chỉnh tăng tỷ lệ vốn góp đầu tư từ 720.000 USD tương đương 45% vốn điều lệ. Đến 31/12/2017, Công ty đã góp được 720.000 USD.

(x) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã mua 20.15% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn tương ứng với 1.009.602 cổ phần, với giá mua 12.611.447.550 VND

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các Công ty: Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh, Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị nhà bếp Sơn Hà, Công ty Sơn Hà Myanmar International Limited hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty con, công ty liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(20,741,565,056)	(18,954,899,086)
Số cuối năm	(20,741,565,056)	(18,954,899,086)

3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>408,156,535,325</i>	<i>140,707,539,191</i>
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	2,591,365,020	2,198,760,494
Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam	563,841	563,841
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	12,847,394,033	8,420,773,762
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	418,740,299	9,445,041,382
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam	689,312,598	55,620,554,301
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	4,384,588,727	4,384,588,727
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An	4,278,300,392	22,299,106,764
Công ty TNHH Một thành viên Logistic Sơn Hà	-	15,630,385

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Toàn Thắng	10,462,823,187	38,322,519,535
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia Dụng Sơn Hà Bắc Ninh (SHB)	264,736,120,863	
Công ty cổ phần sản xuất và dịch vụ Sơn Hà (Cty SHP)	31,076,421,354	
Công ty CP Kinh Doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)	2,925,268,539	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc (SHT)	39,013,521,027	
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà (SHK)	34,732,115,445	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>530,897,226,891</i>	<i>266,738,247,457</i>
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	93,166,924,316	27,625,701,202
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	89,239,156,364	43,858,139,956
Các khách hàng khác	348,491,146,211	195,254,406,299
Cộng	939,053,762,216	- 407,445,786,648
4 Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>43,734,155,332</i>	<i>43,152,384,656</i>
Vinodrai Engineers PVT Ltd (India)	-	6,010,597,050
Công ty TNHH Cơ Khí XD và Kinh doanh Thương mại Công Hà	15,369,062,456	14,824,000,000
Công ty TNHH MTV Nước Sạch Hà Đông	7,594,440,000	
Công ty Cổ phần Viwaseen 3	4,476,298,000	
Các nhà cung cấp khác	16,294,354,876	22,317,787,606
Cộng	43,734,155,332	- 43,152,384,656

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<u>61,023,838,665</u>	<u>124.112.215.331</u>
Cho Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam vay với lãi suất bằng bình quân lãi vay ngắn hạn các ngân hàng mà Công ty đi vay		9,102,424,666
Cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà vay với lãi suất bằng lãi suất bằng bình quân lãi vay ngắn hạn các ngân hàng mà Công ty đi vay (*)	<u>61,023,838,665</u>	<u>115.009.790.665</u>
Cộng	<u>61,023,838,665</u>	- 124.112.215.331

Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 001/2016/HĐCN-TMVN ngày 15 tháng 9 năm 2016 và Thỏa thuận chuyển nhượng số 02/2016/TT-TMVN ngày 26 tháng 10 năm 2016 với Công ty TNHH

Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc, ngoài việc nhận chuyển nhượng một phần cổ phiếu Công ty đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà (HIS), Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc còn cam kết thanh toán khoản công nợ tiền vay và lãi vay HIS còn nợ Công ty trong trường hợp HIS không trả nợ đầy đủ, đúng hạn trong thời gian tối đa là 02 (hai) năm.

6 Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tạm ứng	13,212,446,155	3,470,751,256
Ký quỹ, ký cược	526,093,988	810,293,260
Phải thu khác	<u>14,929,277,427</u>	<u>11,801,387,305</u>
Cộng	<u>28,667,817,570</u>	- 16,082,431,821

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6b Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An (*)	42,389,400,000	40,570,400,000
Ký cược, ký quỹ	501,415,500	178,595,500
Cộng	<u>42,890,815,500</u>	<u>- 40,748.995.500</u>

(*) Khoản phải thu giữa Công ty và Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HTKD/SHI-SHINA ngày 11 tháng 7 năm 2016 về việc Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bồn chứa nước và các sản phẩm khác tại Khu công nghiệp Nam Cấm, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An với tổng giá trị đầu tư dự kiến là 54.449.445.940 VND, trong đó vốn góp của Công ty là 44.000.000.000 VND. Thời hạn hợp tác đầu tư theo hợp đồng là 5 năm, Công ty sẽ được nhận lại toàn bộ phần tiền góp hợp tác đầu tư vào ngày kết thúc thời hạn hợp tác đầu tư. Hợp đồng phân chia lợi nhuận sau thuế theo tổng giá trị thực góp của các bên trên tổng mức đầu tư.

7 Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	11,278,731,965	4.601.707.985
Trích lập dự phòng bổ sung	-	6.677.023.980
Hoàn nhập dự phòng	(3,741,649,765)	
Số cuối năm	<u>7,537,082,200</u>	<u>- 11,278,731,965</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BAO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý III kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Giá trị có thê thu hồi	Thời gian quá hạn	Năm trước	
		Giá gốc	Giá gốc			Giá gốc	Giá trị có thê thu hồi
Các bên liên quan					9.102.424.666	6.542.607.711	
Phải thu về cho vay - Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam	6 tháng đến dưới 1 năm				9.102.424.666	6.542.607.711	
Các tổ chức và cá nhân khác		7,943,642,200		406,560,000	10.030.019.398	1.311.104.388	
Phải thu tiền bán hàng		7,743,642,200		406,560,000	9,850,019,398	1,311,104,388	
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu kim loại Việt	trên 3 năm	3,540,903,520			3,540,903,520		
Công ty TNHH Inox Hưng Anh	trên 3 năm	1,891,351,348			1,891,351,348		
	2 năm đến dưới 3 năm						
		1,355,200,000		406,560,000	1,355,200,000	677,600,000	
Tổng công ty Viglacera							
					1,227,704,527	613,852,264	
Khách hàng khác							
Trả trước cho người bán	trên 3 năm	956,187,332			65,507,096	19,652,124	
Người bán khác	trên 3 năm	200,000,000			1,749,352,907		
		200,000,000			200,000,000		
Cộng		7,943,642,200		406,560,000	19.132.444.064	7.853.712.099	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

8	Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm		
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
	Hàng mua đang đi trên đường	26,906,829,621		26.360.535.364		
	Nguyên liệu, vật liệu	86,131,264,479		237.438.419.275		
	Công cụ, dụng cụ	2,360,162,015		3.737.626.642		
	Thành phẩm	186,548,586,238		228.071.353.364		
	Hàng hóa	57,033,797,505		58.676.970.017		
	Chi phí SXKD dở dang	15,223,333				
	Cộng	358,995,863,191		554.284.904.662		
	Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:					
		<u>Kỳ này</u>		<u>Năm trước</u>		
	Số đầu năm			9.598.201.663		
	Trích lập dự phòng bổ sung					
	Hoàn nhập dự phòng			(9.598.201.663)		
	Số cuối năm					
9	Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn					
9a	Chi phí trả trước ngắn hạn					
		<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>		
	Chi phí bảo hiểm	25,937,338		648.053.174		
	Công cụ dụng cụ	108,608,449		546.939.623		
	Chi phí quảng cáo	67,644,339		557.528.645		
	Chi phí thuê nhà			2.945.415.912		
	Chi phí khác	4,389,113,885		1.016.489.730		
	Cộng	4,591,304,011		5.714.427.084		
9b	Chi phí trả trước dài hạn					
		<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>		
	Công cụ dụng cụ	782,093,669		3.153.596.594		
	Chi phí thuê nhà	77,000,000		367.000.000		
	Sửa chữa thiết bị, văn phòng	4,514,800,775		2.350.374.470		
	Chi phí khác	617,938,077		215.399.226		
	Cộng	5,991,832,521		6.086.370.290		

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý III kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	76,980,588,763	122,140,089,819	63,453,402,045	7,098,824,018	-	269,672,904,645
Tăng trong năm	53,300,000	25,443,274,378	1,917,854,092	96,580,360	-	27,511,008,830
- Mua sắm mới	53,300,000	25,443,274,378	1,917,854,092	96,580,360	-	27,511,008,830
Giảm trong năm	(345,402,772)	(106,280,339,462)	(36,220,590,928)	(51,483,638)	-	(142,897,816,800)
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(345,402,772)	(1,164,396,031)	(1,408,186,210)	(51,483,638)	-	(2,969,468,651)
- Giảm do góp vốn sang công ty con	-	(105,115,943,431)	(34,812,404,718)	-	-	(139,928,348,149)
Số cuối năm	76,688,485,991	41,303,024,735	29,150,665,209	7,143,920,740	-	154,286,096,675
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	14,855,916,441	48,547,248,399	22,674,609,712	5,516,040,380	-	91,593,814,932
Tăng trong năm	2,298,624,927	10,054,522,656	2,312,284,869	608,626,240	-	15,274,058,692
- Khấu hao trong năm	2,298,624,927	10,054,522,656	2,312,284,869	608,626,240	-	15,274,058,692
- Tăng chuyển từ TTC sang TSCĐ	-	(35,578,943,298)	(14,595,603,624)	-	-	(50,174,546,922)
Giảm trong năm	-	(448,234,023)	(1,500,186,211)	-	-	(1,948,420,234)
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(448,234,023)	(1,500,186,211)	-	-	(1,948,420,234)
- Giảm do góp vốn sang công ty con	-	(35,130,709,275)	(13,095,417,413)	-	-	(48,226,126,688)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	17,154,541,368	23,022,827,757	10,391,290,957	6,124,666,620	-	56,693,326,702

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

11 Tài sản cố định thuê tài chính

Là phương tiện vận tải, truyền dẫn	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	3,886,859,998	874,543,824	3,012,316,174
Tăng trong năm	6,081,719,054	561,849,483	5,519,869,571
Giảm trong năm	541,664,546		541,664,546
Số cuối năm	9,426,914,506	1,436,393,307	7,990,521,199

Theo hợp đồng thuê tài sản số 50/2014/TSC-CTTC ngày 05 tháng 8 năm 2014, Công ty được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

12 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	11,160,608,991	3,186,943,278	14,347,552,269
Mua sắm mới	4,935,030,000		4,935,030,000
Giảm trong năm		(100,000,000)	(100,000,000)
Số cuối năm	16,095,638,991	3,086,943,278	19,182,582,269
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2,320,547,666	2,770,949,073	5,091,496,739
Khấu hao trong năm	237,459,768	236,774,361	474,234,129
Giảm trong năm		(15,000,003)	(15,000,003)
Số cuối năm	2,558,007,434	2,992,723,431	5,550,730,865
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8,840,061,325	415,994,205	9,256,055,530
Số cuối năm	13,537,631,557	94,219,847	13,631,851,404

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 8.840.061.325 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng thương mại

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

13 Bất động sản đầu tư**13a Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Là Nhà và Quyền sử dụng đất.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	25,600,652,000	25,600,652,000
Tăng trong năm	52,275,000	52,275,000
Nhượng bán	25,652,927,000	25,652,927,000
Giảm khác	-	-
Số cuối năm	-	-

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Tồn thất do suy giảm giá trị</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Biệt thự Vân Canh	10.497.275.000		10.497.275.000

14 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
<i>Dự án Bắc Cổ Nhuế - Chèm</i>	4,750,000,000			4,750,000,000
<i>Dự án xây dựng các Showroom</i>	55,560,530,142	8,149,188,234	(91,923,099)	63,617,795,277
<i>Dự án nước Dương Nội</i>		51,018,907,362		51,018,907,362
<i>Dự án Bắc Ninh</i>		18,083,279,508	(5,052,343,282)	13,030,936,226
<i>Dự án khác</i>	195,325,816	333,338,451	(19,720,000)	508,944,267
<i>Sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	4,666,396,248	272,224,800	(4,938,621,048)	-
Cộng	65,172,252,206	77,856,938,355	(10,102,607,429)	132,926,583,132

Công ty đã thế chấp công trình xây dựng dở dang là Dự án xây dựng các để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng Thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

15 Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>86,381,867,500</i>	<i>4.684.910.614</i>
Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn	5,310,552,896	1.497.485.220
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà (SHP)	160,473,004	
Công ty TNHH Một thành viên Logistic Sơn Hà	545,258,677	3.187.425.394
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia Dụng Sơn Hà Bắc Ninh (SHB)	43,809,440,387	
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà (SHK)	4,365,921,997	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc (SHT)	26,059,712,175	
SONHA-MYANMAR INTERNATIONAL LIMITED	6,130,508,364	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>199,905,243,296</i>	<i>101.452.935.561</i>
Công ty TNHH POSCO VST	61,449,330,721	56.606.170.780
Công ty Cổ phần Quốc tế Inox Hòa Bình	147,803,962	13.605.510.225
Cty TNHH Thương mại XNK Minh Ngọc	27,034,788,475	
Các nhà cung cấp khác	111,273,320,138	31.241.254.556
Cộng	<u>286,287,110,796</u>	- <u>106.137.846.175</u>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Metal Isaat Malzemeleri Ve Hayvancilik Sanayi	6,304,186	259.407.150
Công ty TNHH MTV Bưu chính Viettel Hà Nội	1,500,000,000	
Các khách hàng khác	3,509,940,765	1.995.772.812
Cộng	<u>5,016,244,951</u>	- <u>2.255.179.962</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

17 a Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	72,913,867,019	105,025,231,812
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1,761,602,527	(3,850,903,016)
- Các khoản điều chỉnh giảm	5,879,389,895	336,733,858
Thu nhập chịu thuế	(4,117,787,368)	(4,187,636,874)
Thu nhập miễn thuế	74,675,469,546	101,174,328,796
Thu nhập tính thuế	(2,063,600,000)	101,174,328,796
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	14,522,373,909	20,234,865,759
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	790,206,671	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>15,312,580,580</u>	<u>20,234,865,759</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

17b Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo Thông báo của Cục thuế Thành phố Hà Nội với diện tích 8.793 m² đất tại lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội với mức 11.567 VND/m²; diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội với mức 22.510 VND/m².

17c Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

17d Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18 Chi phí phải trả ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		10.688.207.826
Chi phí hàng khuyến mại	56,848,500	8,168,209,272
Chi phí lãi vay phải trả	3,572,702,163	1,767,784,445
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	439,486,417	752,214,109
Cộng	<u>4,069,037,080</u>	<u>10.688.207.826</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**19a Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</i>	-	7,000,000,000
Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà ⁽ⁱ⁾		7.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	961,529,348,973	748,871,903,573
Vay ngắn hạn ngân hàng	914,207,660,082	703.627.161.899
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (ii)</i>	392,964,281,560	202.559.052.889
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (iii)</i>	82,601,104,534	186.685.169.855
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (nay là chi nhánh Hoài Đức) (iv)</i>	309,394,015,685	246.081.652.131
<i>Công ty TNHH CK Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng(v)</i>	50,783,842,232	
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương(vi)</i>	78,464,416,071	68.301.287.024
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức (Thấu chí)</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả	23,604,181,141	22.344.741.674
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân</i>	4,000,000,000	3.785.659.822
<i>Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long</i>	1,291,040,000	1.291.040.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương -CN Hà Tây</i>	1,190,000,000	
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (nay là chi nhánh Hoài Đức)</i>	5,404,466,498	6.876.060.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương</i>	9,106,960,643	7.780.267.852
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương</i>	2,611,714,000	2.611.714.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1,717,507,750	900.000.000
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	22,000,000,000	22.000.000.000
Cộng	961,529,348,973	755.871.903.573

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

⁽ⁱ⁾ Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2016/147831/HĐTD ngày 01 tháng 08 năm 2017, dư nợ vay tối đa là 480.000.000.000 VND, mục đích vay là để cấp bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán và mở L/C, tài sản đảm bảo là một số máy móc thiết bị, nhà xưởng tại Diễn.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐTDHM/NHCT128-SONHA ngày 09 tháng 01 năm 2017, dư nợ vay tại mọi thời điểm không vượt quá 200.000.000.000 VND, được bảo đảm bằng thế chấp tài sản là một số máy móc thiết bị, nhà xưởng tại Phùng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

^(iv) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 01/2017/147831/HĐTD ngày 01 tháng 8 năm 2017, hạn mức thường xuyên theo mức dư nợ vay tối đa là 320.000.000.000 VND, được đảm bảo bằng thế chấp tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải

^(v) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 1304/2017/HĐHM/SONHA ngày 22/05/2017, dư nợ tối đa là 150.000.000.000 VND, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán và mở L/C, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho thành phẩm.

^(vi) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 170072/NHNTHD ngày 26 tháng 07 năm 2017 với hạn mức 80.000.000.000 VND để thanh toán tiền mua nguyên liệu và các chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, được đảm bảo bằng thế chấp tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

19b Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Vay dài hạn ngân hàng	52,971,819,509	48.675.499.258
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (i)</i>	<i>14,874,684,642</i>	<i>25.281.907.014</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức (trước là Chi nhánh Hà Tây) (ii)</i>	<i>4,602,144,948</i>	<i>8.533.597.394</i>
<i>Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long (iii)</i>	<i>1,291,040,000</i>	<i>2.582.080.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (iv)</i>	<i>8,147,815,838</i>	<i>6.660.308.350</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Hải Dương (v)</i>	<i>3,005,892,500</i>	<i>5.617.606.500</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (vi)</i>	<i>21,050,241,581</i>	
Nợ thuê tài chính	3,225,594,450	597.505.000
<i>Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - thuê tài sản là xe ô tô</i>	<i>597,505,000</i>	<i>597.505.000</i>
<i>Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Á Châu - thuê tài sản là xe ô tô</i>	<i>2,628,089,450</i>	
Trái phiếu thường ^(vi)	<u>65,213,500,000</u>	<u>87.016.875.000</u>
Cộng	<u>121,410,913,959</u>	<u>136.289.879.258</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương theo các hợp đồng năm 2015 với tổng hạn mức là 54.100.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích để đầu tư các dự án gồm Dự án đầu tư dây chuyền chậu rửa cao cấp, Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất sản phẩm bình nước nóng, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức không có tài sản đảm bảo theo hợp đồng tín dụng số 02/2014/147831/HĐTD ngày 20 tháng 5 năm 2014, số tiền vay là 15.000.000.000 VND bao gồm cả VND và ngoại tệ với mục đích đầu tư máy móc thiết bị sản xuất Inox và phương tiện vận tải, thời hạn vay là 60 tháng, ân hạn gốc vay đến ngày 25 tháng 12 năm 2014, lãi suất vay VND là 12%, USD là 6,5% và được điều chỉnh mỗi quý 01 lần.

Khoản vay Ngân hàng Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số T11014015/HĐTD-LienVietPostBankTL ngày 23 tháng 10 năm 2014 với hạn mức 10.000.000.000 VND, mục đích vay là mua ô tô phục vụ cho sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày bắt đầu nhận tiền vay, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân, lãi phạt 150% lãi suất vay trong hạn, trả gốc 3 tháng/lần, trả lãi hàng tháng, thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo các hợp đồng tín dụng với mục đích đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân, thế chấp bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng tín dụng với mục đích mua sắm phương tiện vận tải, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân và thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Trái phiếu thường và có đảm bảo được phát hành cho Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, kỳ hạn trái phiếu 5 năm, mệnh giá 110.000.000.000 VND. Lãi suất cho kỳ tính lãi đầu tiên là 9,8%/năm, cho các kỳ tính lãi tiếp theo là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau bằng VND kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Sở Giao dịch cộng với 3,15%/năm để thực hiện xây dựng nhà máy Sơn Hà Nghệ An và dự án thi công các Showroom của Công ty.

Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất thuộc Dự án Xây dựng Nhà máy Sơn Hà Nghệ An, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc Dự án Xây dựng nhà máy Sơn Hà Nghệ An; 2.525.000 Cổ phiếu SHI của Ông Lê Vinh Sơn, 2.175.000 Cổ phiếu SHI của Ông Lê Hoàng Hà (xem thuyết minh số VIII.1a).

19c *Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán*

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

20 **Vốn chủ sở hữu**

20a **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	547,107,230,000	16,061,097,352	(9,484,460,000)	11,572,710,816	125,308,323,411	690,564,901,579
Cổ đóng góp vốn	-	-	-	-	-	-
- Trong đó góp bằng tiền	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	547,107,230,000	16,061,097,352	(9,484,460,000)	11,572,710,816	125,308,323,411	690,564,901,579
Số dư đầu năm nay	611,895,030,000	16,061,097,352	(9,484,460,000)	13,980,966,137	141,424,262,932	773,876,896,421
Cổ đóng góp vốn bằng tiền	-	-	-	-	-	-
Chi phí tăng vốn	(4,565,000,000)	-	-	-	-	(4,565,000,000)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	30,429,030,000	-	-	(30,429,030,000)	-	-
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(30,316,161,500)	(30,316,161,500)	(30,316,161,500)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	56,081,286,439	56,081,286,439	56,081,286,439
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập số trích lập năm trước	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	3,398,468,287	(11,328,227,624)	(7,929,759,337)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(563,820,000)	(563,820,000)
Hoàn nhập bút toán chênh lệch tỷ giá năm trước	-	-	-	-	-	-
Chi thường bằng cổ phiếu quỹ	-	-	5,298,137,028	-	(5,298,137,028)	-
Giảm khác	-	-	-	(165,343)	(165,343)	(165,343)
Số dư cuối năm nay	642,324,060,000	11,496,097,352	(4,186,322,972)	17,379,434,424	119,570,007,876	786,583,276,807

21. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm		3,886,859,998	-	-	3,886,859,998
Tăng trong năm		5,540,054,508			5,540,054,508
- Thuê tài chính trong năm		5,540,054,508			5,540,054,508
- Tăng khác (ghi cụ thể)					-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính					-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính					-
- Giảm khác (ghi cụ thể)					-
Số cuối năm	-	9,426,914,506	-	-	9,426,914,506

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
		874,543,824	-	-	874,543,824
Tăng trong năm	-	561,849,483	-	-	561,849,483
- Khấu hao trong năm		561,849,483			561,849,483
- Tăng khác (ghi cụ thể)					-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm khác (ghi cụ thể)					-
Số cuối năm	-	1,436,393,307	-	-	1,436,393,307

Giá trị còn lại

Số đầu năm	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	-	3,012,316,174	-	-	3,012,316,174
Số cuối năm	-	7,990,521,199	-	-	7,990,521,199

Tiền thuế phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: VND.

Căn cứ để xác định tiền thuế phát sinh thêm:

Điều khoản gia hạn thuế hoặc quyền được mua tài sản:

22. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	...	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	11,160,608,991	-	-	3,186,943,278	-	14,347,552,269
Tăng trong năm	4,935,030,000	-	-	-	-	4,935,030,000
- Mua trong năm	4,935,030,000	-	-	-	-	4,935,030,000
Giảm trong năm	-	-	-	(100,000,000)	-	(100,000,000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(100,000,000)	-	(100,000,000)
Số cuối năm	16,095,638,991	-	-	3,086,943,278	-	19,182,582,269

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng -

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	...	Cộng
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2,320,547,666	-	-	2,770,949,073	-	5,091,496,739
Tăng trong năm	237,459,768	-	-	236,774,361	-	474,234,129
- Khấu hao trong năm	237,459,768	-	-	236,774,361	-	474,234,129
- Tăng khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	(15,000,003)	-	(15,000,003)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(15,000,003)	-	(15,000,003)
Số cuối năm	2,558,007,434	-	-	2,992,723,431	-	5,550,730,865

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	...	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	8,840,061,325	-	-	415,994,205	-	9,256,055,530
Số cuối năm	13,537,631,557	-	-	94,219,847	-	13,631,851,404

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng -
Đang chờ thanh lý -

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là VND và VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay/nợ của

23. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất	25,600,652,000	52,275,000	25,652,927,000	-
- Cơ sở hạ tầng				
Tồn thất do suy giảm giá trị				
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất	25,600,652,000	52,275,000	25,652,927,000	-
- Cơ sở hạ tầng				

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	459,444,749,015	367,653,741,816
Doanh thu bán thành phẩm	1,879,279,234,181	1,502,928,468,231
Doanh thu cung cấp dịch vụ	166,651,058,394	39,310,965,585
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	23,980,875,218	7,180,938,000
Doanh thu hoạt động hợp tác kinh doanh	<u>241,363,327,284</u>	<u>71,402,781,333</u>
Cộng	<u><u>2,770,719,244,092</u></u>	<u><u>1,988,476,894,965</u></u>

2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	(67,032,663,008)	(71,342,210,781)
Hàng bán bị trả lại	(3,069,042,674)	(6,600,486,846)
Giảm giá hàng bán	(706,877,643)	
Hoạt động hợp tác kinh doanh		<u>(15,854,365,020)</u>
Cộng	<u><u>(70,808,583,325)</u></u>	<u><u>(93,797,062,647)</u></u>

3 Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	460,183,034,932	302,574,583,399
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1,714,937,338,267	1,192,933,501,343
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	49,235,076,273	28,654,424,496
Giá vốn của hàng hóa bất động sản đã bán	25,652,927,000	7,662,116,821
Giá vốn hoạt động hợp tác kinh doanh	171,153,163,261	41,073,763,018
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	<u>(9,598,201,663)</u>
Cộng	<u><u>2,421,161,539,733</u></u>	<u><u>1,563,300,187,414</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	853,551,550	107,252,733
Lãi tiền cho vay	6,360,825,176	15,592,447,407
Cổ tức được chia	352,415,700	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	208,516,154	2,199,198,040
Hoạt động hợp tác kinh doanh	5,058,002	4,899,727
Doanh thu tài chính khác	10,295,330,610	1,524,629,285
Cộng	<u>18,075,697,192</u>	<u>19,428,427,192</u>

5 Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	68,972,962,993	48,860,162,251
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	312,406,663	1,364,624,961
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	1,786,665,970	24,127,367,654
Hoạt động hợp tác kinh doanh	1,264,476,393	12,622,386
Chi phí tài chính khác	1,396,279,036	212,842,361
Cộng	<u>73,732,791,055</u>	<u>74,577,619,613</u>

6 Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	27,731,341,979	59,617,680,405
Chi phí vật liệu, bao bì	349,401,149	980,082,807
Chi phí bảo hiểm	29,654,582	
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	381,505,529	1,205,514,679
Chi phí khấu hao tài sản cố định	358,939,318	4,092,894,332
Chi phí bảo hành	992,615,863	3,685,800,573
Chi phí xăng dầu	596,503,513	6,234,203,896
Chi phí vận chuyển, chi phí xuất khẩu	15,103,831,783	6,956,891,836
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	5,248,941,062	15,931,473,970
Chi phí thuê cửa hàng, kho	1,586,892,730	
Các chi phí khác	17,080,593,166	17,176,829,254
Hoạt động hợp tác kinh doanh	37,687,014,999	8,663,027,760
Cộng	<u>107,147,235,673</u>	<u>124,544,399,512</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	18,518,133,129	21,499,633,631
Chi phí vật liệu quản lý	640,801,924	566,748,425
Chi phí đồ dùng văn phòng	520,565,593	1,077,485,608
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,072,522,121	3,178,985,549
Thuế, phí và lệ phí	52,256,658	445,503,359
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(4,448,490,417)	6,677,023,980
Chi phí thanh toán, mở LC	755,699,401	1,062,273,728
Hoạt động hợp tác kinh doanh	4,478,381,688	1,168,099,002
Các chi phí khác	14,644,523,215	12,368,605,724
Cộng	<u><u>39,234,393,312</u></u>	<u><u>48,044,359,006</u></u>

8 Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản thu phạt CBCNV	29,292,952	
Hỗ trợ lãi suất	-	153,682,453
Hoàn thuế nhập khẩu hàng ống chân không CO FORM E (Do mới xin được cấp CO)	383,777,347	1,471,168,047
Thanh lý tài sản	286,240,339	
Hoạt động hợp tác kinh doanh	367,233,746	47,569,490
Thu nhập khác	324,290,923	555,637,322
Thu hoàn phí bảo hiểm	156,882,727	
Cộng	<u><u>1,547,718,034</u></u>	<u><u>2,228,057,312</u></u>

9 Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	260,965,191
Thuế bị phạt, bị truy thu	1,675,947,901	185,603,666
Phạt do vi phạm hành chính	-	121,000,000
Hoạt động hợp tác kinh doanh với SHV	2,867,463,082	173,098,058
Chi phí khác	800,838,218	103,852,550
Cộng	<u><u>5,344,249,201</u></u>	<u><u>844,519,465</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc).
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị, cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Lương



Lê Vinh Sơn